

Biểu số: 005tn.N/BCB-TCTK

Ban hành kèm theo Thông tư số
//2020/TT-BNV ngày _/_/2020

Ngày nhận báo cáo:

Báo cáo năm: Ngày 31 tháng 3 năm sau

**THANH NIÊN VÀ TÌNH HÌNH VỀ LAO ĐỘNG
THANH NIÊN**

Năm...

Đơn vị báo cáo: Tổng cục thống
kê

Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Nội vụ

	Mã số	Lực lượng lao động thanh niên (nghìn người)	Số thanh niên có việc làm trong nền kinh tế (nghìn người)	Tỷ lệ thanh niên có việc làm so với tổng số thanh niên (%)	Tỷ lệ lao động thanh niên qua đào tạo (%)	Số thanh niên thất nghiệp (người)	Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (%)	Số thanh niên thiếu việc làm (người)	Tỷ lệ thiếu việc làm của thanh niên (%)	Tỷ lệ thanh niên không có việc làm, không đi học hoặc không được đào tạo (%)	Thu nhập bình quân của thanh niên đang làm việc (triệu đồng/người)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tổng số	01										
1. Chia theo giới tính											
Nam	02										
Nữ	03										
2. Chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật		x	x	x	x					x	x
Không có trình độ chuyên môn kỹ thuật	04	x	x	x	x					x	x
Sơ cấp	05	x	x	x	x					x	x

Trung cấp	06	x	x	x	x					x	x
Cao đẳng	07	x	x	x	x					x	x
Đại học	08	x	x	x	x					x	x
Trên đại học	09	x	x	x	x					x	x
3. Chia theo khu vực kinh tế		x			x	x	x	x	x	x	x
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	10	x			x	x	x	x	x	x	x
Công nghiệp và xây dựng	11	x			x	x	x	x	x	x	x
Dịch vụ	12	x			x	x	x	x	x	x	x
4. Chia theo thành thị /nông thôn											
Thành thị	13										
Nông thôn	14										
5. Chia theo tỉnh/thành phố										x	
<i>(Ghi theo Danh mục đơn vị hành chính)</i>	15									x	
	...										

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số: 005tn.N/BCB-TCTK: Thanh niên và tình hình về lao động thanh niên

1. Khái niệm, phương pháp tính

1.1. Lực lượng lao động thanh niên là những người trong độ tuổi thanh niên có việc làm (đang làm việc) hoặc thất nghiệp trong thời kỳ tham chiếu (7 ngày trước thời điểm quan sát).

1.2. Số thanh niên có việc làm (đang làm việc) trong nền kinh tế là những người trong độ tuổi thanh niên mà trong thời kỳ tham chiếu có làm bất cứ việc gì (không bị pháp luật cấm) từ 01 giờ trở lên để tạo ra các sản phẩm hàng hóa hoặc cung cấp các dịch vụ nhằm mục đích tạo thu nhập cho bản thân và gia đình.

Thanh niên có việc làm gồm cả những người không làm việc trong tuần nghiên cứu nhưng đang có một công việc và vẫn gắn bó chặt chẽ với công việc đó (vẫn được trả lương/công trong thời gian không làm việc hoặc chắc chắn sẽ quay trở lại làm sau thời gian không quá 01 tháng).

Ngoài ra, những thanh niên thuộc các trường hợp cụ thể sau đây đều được coi là người có việc làm:

- Thanh niên đang tham gia các hoạt động tập huấn, đào tạo hoặc các hoạt động nâng cao kỹ năng do yêu cầu của công việc trong đơn vị;
- Thanh niên là người học việc, tập sự (kể cả bác sĩ thực tập) làm việc và có nhận được tiền lương, tiền công;
- Thanh niên làm việc trong các hộ/cơ sở kinh tế của chính họ để sản xuất ra các sản phẩm hàng hóa và cung cấp dịch vụ;
- Thanh niên làm việc vì mục đích tiền công, tiền lương hoặc lợi nhuận nhưng các khoản tiền lương, tiền công và lợi nhuận đó có thể không trả trực tiếp cho họ mà được tích lũy vào thu nhập chung của gia đình họ, gồm:
 - + Thanh niên làm việc trong các đơn vị kinh doanh được tổ chức bởi một thành viên gia đình đang sống cùng hộ hoặc khác hộ;
 - + Thanh niên thực hiện các phần việc, nhiệm vụ của 1 công việc làm công ăn lương được tổ chức bởi một thành viên gia đình đang sống cùng hộ hoặc khác hộ.

1.3. Tỷ lệ thanh niên có việc làm (đang làm việc) so với tổng số thanh niên là chỉ tiêu tương đối, biểu hiện bằng phần trăm số thanh niên có việc làm (đang làm việc) so với dân số thanh niên.

1.4. Tỷ lệ lao động thanh niên đã qua đào tạo

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ lao động thanh niên đã qua đào tạo} = \frac{\text{Số lao động thanh niên qua đào tạo}}{\text{Lực lượng lao động thanh niên}} \times 100$$

Lao động thanh niên đã qua đào tạo là những thanh niên trong thời kỳ tham chiếu đã hội đủ các yếu tố sau đây:

- + Có việc làm hoặc thất nghiệp;
- + Đã được đào tạo ở một trường hay một cơ sở đào tạo chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ 03 tháng trở lên và đã tốt nghiệp, đã được cấp bằng/chứng chỉ chứng nhận đạt một trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ nhất định, gồm sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học và trên đại học (thạc sĩ, tiến sĩ).

1.5. Số thanh niên thất nghiệp là những thanh niên mà trong thời kỳ tham chiếu đã hội đủ các yếu tố sau: hiện không làm việc; đang tìm kiếm việc làm; và sẵn sàng làm việc.

Số thanh niên thất nghiệp còn bao gồm những thanh niên hiện không có việc làm và sẵn sàng làm việc nhưng trong thời kỳ tham chiếu không tìm được việc do:

- Đã chắc chắn có một công việc hoặc một hoạt động sản xuất kinh doanh để bắt đầu sau thời kỳ tham chiếu;
- Phải tạm nghỉ (không được nhận tiền lương, tiền công hoặc không chắc chắn quay trở lại làm công việc cũ) do cơ sở bị thu hẹp hoặc ngừng sản xuất;
- Đang trong thời gian nghỉ thời vụ;
- Bận việc đột xuất của gia đình hoặc ốm đau tạm thời.

1.6. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên là chỉ tiêu biểu hiện tỷ lệ so sánh số thanh niên thất nghiệp với lực lượng lao động là thanh niên trong kỳ.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (\%)} = \frac{\text{Số thanh niên thất nghiệp}}{\text{Lực lượng lao động thanh niên}} \times 100$$

1.7. Số thanh niên thiếu việc làm gồm những thanh niên có việc làm mà trong thời gian tham chiếu (07 ngày trước thời điểm quan sát) thỏa mãn cả 3 tiêu chuẩn sau đây:

- Mong muốn làm việc thêm giờ, nghĩa là muốn làm thêm một (số) công việc để tăng thêm giờ; muốn thay thế một trong số (các) công việc đang làm bằng một công việc khác để có thể làm việc thêm giờ; muốn tăng thêm giờ của một trong các công việc đang làm, hoặc kết hợp 3 loại mong muốn trên;
- Sẵn sàng làm việc thêm giờ, nghĩa là trong thời gian tới nếu có cơ hội việc làm thì họ sẵn sàng làm thêm giờ ngay;
- Thực tế họ đã làm việc dưới một ngưỡng thời gian cụ thể đối với tất cả các công việc đã làm trong tuần tham chiếu. Các nước đang thực hiện chế độ làm việc 40 giờ/tuần, ngưỡng thời gian để xác định tình trạng thiếu việc làm của nước ta là đã làm việc dưới 35 giờ trong tuần tham chiếu.

1.8. Tỷ lệ thiếu việc làm của thanh niên cho biết số thanh niên thiếu việc làm trong 100 thanh niên có việc làm.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ thiếu việc làm của thanh niên (\%)} = \frac{\text{Số thanh niên thiếu việc làm}}{\text{Tổng số thanh niên có việc làm}} \times 100$$

1.9. Tỷ lệ thanh niên không có việc làm, không đi học hoặc không được đào tạo cho biết phần trăm số thanh niên không có việc làm, không đi học hoặc không được đào tạo trong tổng số thanh niên.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ NEET (\%)} = \frac{\text{Số thanh niên không có việc làm, không đi học hoặc không được đào tạo}}{\text{Lực lượng lao động thanh niên}} \times 100$$

Dân số thanh niên

Số thanh niên không có việc làm, không đi học hoặc không được đào tạo có thể được tính bằng:

- Tổng số thanh niên - Thanh niên có việc làm - Thanh niên không có việc làm nhưng được giáo dục hoặc đào tạo;
- Thanh niên trong lực lượng lao động không có việc làm - Thanh niên trong lực lượng lao động không có việc làm được giáo dục hoặc đào tạo + Thanh niên ngoài lực lượng lao động - Thanh niên ngoài lực lượng lao động được giáo dục hoặc đào tạo.

1.10. Thu nhập bình quân một thanh niên đang làm việc là tổng số tiền thu nhập thực tế tính bình quân một thanh niên làm công ăn lương, tự kinh doanh.

Thu nhập của thanh niên đang làm việc là thu nhập từ tiền công, tiền lương và các khoản thu nhập khác có tính chất như lương, gồm tiền làm thêm giờ, tiền thưởng, tiền phụ cấp, tự kinh doanh,... của những thanh niên có việc làm theo hình thức làm công ăn lương trong nền kinh tế. Các khoản thu nhập này có thể bằng tiền mặt hoặc hiện vật.

2. Cách ghi biểu

- Quy định cách ghi số liệu: Không phải thu thập số liệu và báo cáo đối với biểu thị bằng dấu gạch chéo “x”.
- Cột 1: Ghi lực lượng lao động thanh niên trong kỳ báo cáo tương ứng với các dòng ở cột A.
- Cột 2: Ghi số thanh niên có việc làm trong kỳ báo cáo tương ứng với các dòng ở cột A.
- Cột 3: Ghi tỷ lệ thanh niên có việc làm so với tổng số thanh niên trong kỳ báo cáo tương ứng với các dòng ở cột A.
- Cột 4: Ghi tỷ lệ lao động là thanh niên đã qua đào tạo trong kỳ báo cáo tương ứng với các dòng ở cột A.
- Cột 5: Ghi số thanh niên thất nghiệp trong kỳ báo cáo tương ứng với các dòng ở cột A.
- Cột 6: Ghi tỷ lệ thanh niên thất nghiệp trong kỳ báo cáo tương ứng với các dòng ở cột A.
- Cột 7: Ghi số thanh niên thiếu việc làm trong kỳ báo cáo tương ứng với các dòng ở cột A.
- Cột 8: Ghi tỷ lệ thanh niên thiếu việc làm trong kỳ báo cáo tương ứng với các dòng ở cột A.
- Cột 9: Ghi tỷ lệ thanh niên không có việc làm, không đi học hoặc không được đào tạo trong kỳ báo cáo tương ứng với các dòng ở cột A.
- Cột 10: Ghi thu nhập bình quân của thanh niên đang làm việc trong kỳ báo cáo tương ứng với các dòng ở cột A.

3. Nguồn số liệu

Điều tra lao động và việc làm.